TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm

2. Ông Bùi Tấn Dũng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở hiện nay: 171/2 đường Đ, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q, trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H cưới nhau vào năm 2007, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hôn nhân do quen biết trước được vài tháng, sau khi cưới chị và anh H cùng sinh sống và đi làm tại tỉnh Bình Dương, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng cự cãi chuyện về lặt vặt trong gia đình nên anh H bỏ đi nơi khác sinh sống đến năm 2017 thì quay trở lại chung với chị đến khi có con chung thứ hai Kim N được 29 ngày tuổi thì anh H tiếp tục bỏ đi nơi khác sinh sống, khoảng tháng sau thì anh H quay trở lại chung sống cùng chị, đến năm 2021 dịch bệnh xảy ra, anh H nói mẹ chồng bị bệnh nên anh Hùng bỏ về quê tại xã P B sinh sống cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh H không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

[2] Về nuôi con chung: Chị và anh H chung sống có hai con chung, đều là con gái, tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Thị Kim N1, sinh ngày 03/12/2018. Hiện hai con chung sống cùng chị từ khi sinh ra cho đến nay, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Khi anh H bỏ 03 mẹ con chị thì không có gởi tiền về cho chị để nuôi dưỡng con chung, có lần người thân gặp anh H hỏi sao không về lo cho mẹ con chị thì anh H trả lời không có tiền. Hiện chị buôn bán rau cãi, thu nhập mỗi ngày được khoảng 200.000đ – 300.000đ, đủ để 03 mẹ con chị sinh sống, anh H hiện buôn bán trái cây ở dưới quê xã P B, không rõ thu nhập mỗi tháng bao nhiêu.

[3] Về chia tài sản chung: Chị và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị và anh H chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn

Thị Thu Q, cho chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với anh Lê Thanh H. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Thị Kim N1, sinh ngày 03/12/2018 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q tự nguyện không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu Q có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Thanh H. Hiện anh H đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Q, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Lê Thanh H được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển 01, ngày 12/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Q là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị Q, anh H đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành cho chị Q đoàn tụ với anh H nhưng chị Q vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Anh H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị Q, điều này cho thấy anh H không có thiện chí để đoàn tụ với chị Q. Nhận thấy hôn nhân giữa chị Q,

anh H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với anh Lê Thanh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy, hai con chung Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Thị Kim N1, sinh ngày 03/12/2018, hiện đang sống cùng chị Q ổn định và được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, con chung Huyền T có nguyện vọng sống cùng chị Q. Do đó, nghĩ nên giao con chung Huyền T và Kim N1 cho chị Q được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung chị Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004233 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu Q. Cho chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Thị Kim N1, sinh ngày 03/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu Q được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Q chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004233 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dung